



TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
Dong Thap University Journal of Science

Số Đặc biệt Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn

ISSN 0866-7675 | e-ISSN 2815-567X



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3532.1989>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỜNG AN LẠC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Minh Giản¹ và Phạm Thị Phương Thy²

*¹Khoa Giáo dục chính trị và Quản lý giáo dục, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

²Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

**Tác giả liên hệ, Email: phuongthypt1997@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 11/6/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 07/7/2026; Ngày duyệt đăng: 15/7/2026

Tóm tắt

Nghiên cứu này khảo sát thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung khảo sát tập trung vào các khía cạnh: nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về tầm quan trọng của quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin; công tác lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm xác định mục tiêu, nội dung, nguồn lực và tiêu chí đánh giá; công tác tổ chức triển khai về phân công nhiệm vụ, chuẩn bị cơ sở vật chất, học liệu số và hỗ trợ giáo viên; hoạt động chỉ đạo trong việc hướng dẫn, điều phối nguồn lực, giám sát và khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin; cùng với công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, chất lượng học liệu số và hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin đối với kết quả học tập của học sinh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi kết hợp phỏng vấn sâu đối với 54 cán bộ quản lý và giáo viên tại 3 trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả thông qua điểm trung bình và độ lệch chuẩn. Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt đã được triển khai ở các chức năng quản lý cơ bản; tuy nhiên, mức độ thực hiện mới đạt mức khá và vẫn còn những hạn chế trong lập kế hoạch, tổ chức nguồn lực và kiểm tra, đánh giá. Nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay.

Từ khóa: *Chuyển đổi số giáo dục, dạy học môn Tiếng Việt, quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, trường tiểu học.*

Trích dẫn: Phạm, M. G., & Phạm, T. P. T. (2026). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(03S), 343-357. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3532.1989>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT MANAGEMENT OF THE APPLICATION OF INFORMATION TECHNOLOGY IN TEACHING VIETNAMESE AT PRIMARY SCHOOLS IN AN LAC WARD, HO CHI MINH CITY

Pham Minh Gian¹ and Pham Thi Phuong Thy²

*¹Faculty of Political Education and Education Management,
School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author, Email: phuongthypt1997@gmail.com*

Article history

Received: 11/6/2026; Received in revised form: 07/7/2026; Accepted: 15/7/2026

Abstract

This study investigates the current status of managing information technology (IT) integration in teaching Vietnamese at primary schools in An Lac Ward, Ho Chi Minh City. The study focuses on key management functions. These include school administrators' and teachers' awareness of the importance of managing IT integration; planning for IT integration through the identification of objectives, content, resources, and evaluation criteria; organizing implementation by assigning responsibilities, preparing facilities and digital learning resources, and supporting teachers; directing implementation through providing guidance, coordinating resources, supervising implementation, and encouraging teachers to integrate IT into teaching; and monitoring and evaluating the implementation process, the quality of digital learning resources, and the effectiveness of IT integration in improving students' learning outcomes. The study employed a questionnaire survey combined with in-depth interviews among 54 school administrators and teachers from three primary schools in the study area. The collected data were analyzed using descriptive statistics, including means and standard deviations. The findings indicate that IT integration management in teaching Vietnamese has been implemented across all major management functions. However, the overall level of implementation remains at a relatively satisfactory level, with noticeable limitations in planning, resource organization, and monitoring and evaluation. These findings provide practical evidence for proposing measures to enhance the effectiveness of managing IT integration in teaching Vietnamese at primary schools in the context of ongoing educational digital transformation.

Keywords: *Educational digital transformation, management of information technology integration, primary schools, Vietnamese language teaching.*

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học đã trở thành yêu cầu quan trọng nhằm đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển năng lực người học theo định hướng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Ứng dụng CNTT trong dạy học được hiểu là quá trình giáo viên sử dụng các phương tiện, công cụ và học liệu kỹ thuật số như phần mềm trình chiếu, học liệu số, bảng tương tác, hệ thống quản lý học tập và các ứng dụng giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ nhận thức của học sinh nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả các hoạt động dạy và học (Phó & Ngô, 2016). Theo Hoàng & cs. (2009), CNTT trong giáo dục không chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ kỹ thuật đơn thuần mà còn là phương tiện cốt lõi thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường tính tương tác sống động trong không gian lớp học. Ở cấp tiểu học, môn Tiếng Việt giữ vai trò nền tảng trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và các kỹ năng giao tiếp cơ bản cho học sinh. Việc ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt tạo điều kiện đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh. Cụ thể, hoạt động này có thể được triển khai đa dạng thông qua việc sử dụng hình ảnh, video, âm thanh minh họa trực quan cho bài học; sử dụng các phần mềm chuyên dụng luyện tập kỹ năng đọc, viết, nghe và nói; thiết kế trò chơi học tập tương tác; khai thác kho học liệu số trực tuyến phong phú; hoặc tổ chức các hoạt động học tập theo mô hình kết hợp (blended learning). Theo Nguyễn & cs. (2024), khi CNTT được tích hợp một cách khoa học và hợp lý vào tiến trình dạy học Tiếng Việt ở bậc tiểu học, học sinh không chỉ tiếp thu tốt kiến thức ngôn ngữ mà còn được phát triển các kỹ năng số cần thiết cho thế kỷ 21. Những kết quả nghiên cứu trên cho thấy ứng dụng CNTT trong dạy học không chỉ phụ thuộc vào năng lực của giáo viên mà còn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ công tác quản lý ở cấp nhà trường.

Tuy nhiên, để những giá trị cốt lõi trên được phát huy, công tác quản lý đóng vai trò then chốt. Quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học thực chất là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch và có tổ chức của chủ thể quản lý (Ban giám hiệu, Hiệu trưởng) đến toàn bộ hoạt động ứng dụng công nghệ của giáo viên, nhằm bảo đảm hoạt động này triển khai đúng mục tiêu và yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt là quá trình tác động có mục đích của chủ thể quản lý nhằm bảo đảm việc ứng dụng CNTT được thực hiện hiệu quả thông qua các chức năng lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá. Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đều khẳng định hiệu quả của hoạt động này phụ thuộc đáng kể vào vai trò lãnh đạo của hiệu trưởng, năng lực quản lý nhà trường và việc tổ chức thực hiện đồng bộ các hoạt động chuyên môn.

Dù có vai trò quan trọng như vậy, thực tiễn triển khai tại nhiều cơ sở giáo dục tiểu học thời gian qua lại cho thấy còn tồn tại không ít hạn chế trong công tác quản lý hoạt động này. Nghiên cứu của Hồ và Tạ (2023) tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh chỉ ra rằng mặc dù các trường tiểu học đã có nhận thức khá tốt về tầm quan trọng của CNTT, nhưng các khâu lập kế hoạch, tổ chức triển khai và kiểm tra - đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT vẫn còn nhiều bất cập. Đồng quan điểm, Nguyễn (2024) khi nghiên cứu tại Thành phố Thủ Đức cũng cho thấy việc phối hợp giữa các lực lượng giáo dục và huy động nguồn lực đầu tư cho hoạt động ứng dụng CNTT trong nhà trường tiểu học còn thiếu chặt chẽ, chưa mang tính hệ thống.

Tại các trường tiểu học thuộc phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt đã được triển khai diện rộng và bước đầu mang lại những tín hiệu, kết quả tích cực. Tuy nhiên, công tác quản lý hoạt động này tại địa bàn vẫn gặp phải những điểm nghẽn nhất định: kế hoạch hoạt động ứng dụng CNTT chưa gắn chặt với đặc thù phân môn của môn Tiếng Việt cũng như điều kiện thực tế của từng nhà trường; đội

ngũ giáo viên có năng lực số chưa đồng đều; cơ sở vật chất và thiết bị kỹ thuật số còn thiếu thốn, chưa được khai thác tối đa công năng; đồng thời công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT vẫn chưa đồng bộ và thiếu tính hệ thống. Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích một cách toàn diện thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt tại các trường tiểu học phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó, nghiên cứu kỳ vọng sẽ cung cấp một hệ thống cơ sở thực tiễn vững chắc để đề xuất các biện pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động này trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu không chỉ phản ánh thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt tại địa bàn nghiên cứu mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể, đối tượng và mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát đối với 54 đối tượng (trong đó, cán bộ quản lý nhà trường: 15 người, giáo viên 39 người) tại các trường tiểu học phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Phương pháp và công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi kết hợp phỏng vấn sâu. Mẫu khảo sát gồm 54 người, trong đó có 15 CBQL (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn) và 39 GV trực tiếp giảng dạy môn Tiếng Việt. Các đơn vị tham gia khảo sát gồm Trường Tiểu học An Lạc 1, Trường Tiểu học An Lạc 2 và Trường Tiểu học An Lạc 3. Việc lựa chọn các trường này nhằm phản ánh tương đối toàn diện thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt tại địa bàn phường An Lạc.

Để bổ sung và làm rõ kết quả khảo sát định lượng, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu 06 CBQL và GV đang trực tiếp tham gia quản lý và giảng dạy môn Tiếng Việt. Các ý kiến phỏng vấn được mã hóa theo nhóm đối tượng nhằm đảm bảo tính ẩn danh của người tham gia nghiên cứu, cụ thể gồm: CBQL1, CBQL2, CBQL3 đối với CBQL và GV1, GV2, GV3 đối với GV. Những trích dẫn từ phỏng vấn được sử dụng nhằm minh họa và làm rõ hơn kết quả phân tích dữ liệu khảo sát.

Các nội dung khảo sát được xây dựng trên cơ sở khung lý luận về quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt, gồm bốn chức năng quản lý: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá

Thời gian khảo sát được thực hiện trong năm học 2024-2025. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng các phương pháp thống kê mô tả, sử dụng phần mềm Microsoft Excel để tính tần suất, tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC). Kết quả được phân tích và đánh giá dựa trên thang đo Likert 5 mức.

2.3. Quy trình xử lý và phân tích số liệu

Số liệu thu được từ phiếu hỏi và phiếu khảo nghiệm được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học, cụ thể: tính ĐTB và ĐLC cho từng nội dung đánh giá nhằm xác định mức độ thực hiện và sắp xếp thứ bậc các nội dung theo từng tiêu chí. Các số liệu thu thập được kiểm tra, mã hóa trước khi xử lý nhằm bảo đảm tính chính xác và thống nhất trong quá trình phân tích. Khoảng của thang đo được tính theo công thức: Khoảng = (Giá trị lớn nhất - Giá trị nhỏ nhất) / Số bậc = (5 - 1) / 5 = 0,80. Thang đo Likert 5 bậc được quy ước khoảng điểm như sau:

Khoảng ĐTB	Mức độ đánh giá
1,00 - 1,80	Kém / Rất không quan trọng / Rất không ảnh hưởng
1,81 - 2,60	Yếu / Không quan trọng / Không ảnh hưởng

Khoảng ĐTB	Mức độ đánh giá
2,61 - 3,40	Trung bình / Bình thường
3,41 - 4,20	Khá / Quan trọng / Ảnh hưởng
4,21 - 5,00	Tốt / Rất quan trọng / Rất ảnh hưởng

Thông qua các số liệu thu được, nghiên cứu tiến hành phân tích và đánh giá thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt tại các trường tiểu học ở Phường An Lạc, thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt

Bảng 1. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về tầm quan trọng của quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt

STT	Nội dung	Mức độ đánh giá					ĐTB	ĐLC
		Không quan trọng	Ít quan trọng	Bình thường	Quan trọng	Rất quan trọng		
1	Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học môn Tiếng Việt	2	5	24	20	3	3,31	0,89
2	Tạo điều kiện đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học	1	4	15	26	8	3,67	0,91
3	Góp phần hình thành và phát triển năng lực sử dụng CNTT cho học sinh tiểu học	1	3	12	25	13	3,85	0,94
4	Đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong nhà trường tiểu học	1	4	15	26	8	3,67	0,91

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy CBQL và GV đánh giá tầm quan trọng của quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt ở mức Khá và Trung bình, với ĐTB dao động từ 3,31 đến 3,85. Trong đó, nội dung được đánh giá cao nhất là “Góp phần hình thành và phát triển năng lực sử dụng CNTT cho học sinh tiểu học” (ĐTB = 3,85, ĐLC = 0,94), phản ánh sự nhận thức rõ nét của đội ngũ về vai trò của CNTT trong việc chuẩn bị các năng lực cốt lõi cho người học trong kỷ nguyên số.

Nội dung “Tạo điều kiện đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học” và “Đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong nhà trường tiểu học” cùng đạt ĐTB = 3,67, cho thấy CBQL và GV đã có nhận thức khá tốt về sự gắn kết giữa ứng dụng CNTT với yêu cầu đổi mới giáo dục. Tuy nhiên, nội dung “Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học môn Tiếng Việt” có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3,26, ĐLC = 0,89), cho thấy một bộ phận CBQL và GV vẫn chưa thực sự thấy rõ tác động trực tiếp của CNTT đối với chất lượng dạy học môn học cụ thể này.

Kết quả phỏng vấn bổ sung thêm những góc nhìn đa chiều về nhận thức của đội ngũ. Một CBQL cho biết: “*Chúng tôi nhận thức rất rõ rằng ứng dụng CNTT là xu hướng tất yếu trong giáo dục hiện nay, nhưng để thấy được hiệu quả cụ thể trong từng tiết dạy Tiếng Việt thì cần có thời gian và sự đầu tư đúng mức về cả chuyên môn lẫn cơ sở vật chất*” (CBQL1). ”

Một GV cũng chia sẻ rằng: “*Giáo viên chúng tôi đều thấy rằng sử dụng CNTT làm cho tiết học Tiếng Việt sinh động và hấp dẫn hơn, học sinh tập trung hơn, nhưng không phải lúc nào thiết bị cũng sẵn sàng và ổn định để sử dụng liên tục*” (GV1). ”

Những nhận xét này cho thấy mặc dù nhận thức về tầm quan trọng của quản lý ứng dụng CNTT đã được hình thành, nhưng vẫn cần tăng cường hơn nữa, đặc biệt là làm rõ mối liên hệ giữa CNTT và hiệu quả trực tiếp trong dạy học môn Tiếng Việt.

3.1.2. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt

Bảng 2. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về lập kế hoạch hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt

STT	Nội dung	Mức độ đánh giá					ĐTB	ĐLC
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Xác định mục tiêu và yêu cầu cần đạt của hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt	1	2	11	36	4	3,74	0,77
2	Phân tích nội dung chương trình và xác định các bài học, chủ đề cần ứng dụng CNTT	2	6	20	22	4	3,37	0,98
3	Xây dựng kế hoạch sử dụng phương tiện, phần mềm và học liệu số phục vụ dạy học môn Tiếng Việt	1	4	15	26	8	3,67	0,94
4	Xác định đội ngũ thực hiện và kế hoạch bồi dưỡng năng lực ứng dụng CNTT cho giáo viên	1	3	13	30	7	3,72	0,89
5	Xây dựng tiến độ thực hiện và dự kiến nguồn lực bảo đảm cho kế hoạch	2	6	19	23	4	3,39	0,95
6	Xác định tiêu chí đánh giá và phương án điều chỉnh kế hoạch	2	5	19	24	4	3,43	0,94

Theo số liệu ở Bảng 2, công tác lập kế hoạch hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt tại các trường tiểu học phường An Lạc có ĐTB dao động từ 3,37 đến 3,74. Hầu hết các nội dung đều đạt mức Khá, riêng nội dung “Phân tích nội dung chương trình và xác định các bài học, chủ đề cần ứng dụng CNTT” có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3,37, ĐLC = 0,98), ở ngưỡng giáp ranh với mức Trung bình, cho thấy đây là khâu còn gặp nhiều khó khăn trong thực tiễn.

Nội dung được đánh giá cao nhất là “Xác định mục tiêu và yêu cầu cần đạt của hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt” (ĐTB = 3,74, ĐLC = 0,77), phản ánh các trường đã tương đối chú trọng đến việc định hướng mục tiêu cho hoạt động này. Tiếp theo là “Xác định đội ngũ thực hiện và kế hoạch bồi dưỡng năng lực ứng dụng CNTT cho giáo

viên” (ĐTB = 3,72, DLC = 0,89), cho thấy các nhà trường đã quan tâm đến việc phát triển năng lực đội ngũ trong kế hoạch tổng thể.

Các nội dung “Xây dựng tiến độ thực hiện và dự kiến nguồn lực” (ĐTB = 3,39) và “Phân tích nội dung chương trình và xác định các bài học, chủ đề cần ứng dụng CNTT” (ĐTB = 3,37) đạt mức Khá nhưng vẫn còn nhiều dư địa để cải thiện.

Kết quả phỏng vấn cho thấy công tác lập kế hoạch tuy đã được triển khai nhưng vẫn mang tính hình thức ở một số nội dung. Một CBQL chia sẻ: “Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học từ đầu năm học, nhưng việc rà soát từng bài học trong chương trình Tiếng Việt để xác định bài nào phù hợp với CNTT thì giáo viên còn làm theo kinh nghiệm cá nhân là chủ yếu, chưa có hướng dẫn thống nhất từ tổ chuyên môn” (CBQL2).”

Một GV cũng nhận xét: “Khi lập kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, chúng tôi thường phải tự tìm kiếm học liệu số và phần mềm phù hợp vì nhà trường chưa có kho học liệu chung được cập nhật thường xuyên” (GV2).”

Những ý kiến này cho thấy công tác lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt cần được hoàn thiện theo hướng cụ thể, hệ thống và gắn liền với nội dung chương trình môn học và điều kiện thực tế của nhà trường.

3.1.3. Thực trạng tổ chức hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt

Bảng 3. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về tổ chức hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt

STT	Nội dung	Mức độ đánh giá					ĐTB	DLC
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Tổ chức phân công nhiệm vụ và phối hợp các lực lượng tham gia hoạt động ứng dụng CNTT	2	5	16	25	6	3,52	0,94
2	Tổ chức chuẩn bị và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu CNTT	3	5	20	22	4	3,35	0,98
3	Tổ chức triển khai các hình thức dạy học môn Tiếng Việt có ứng dụng CNTT	2	5	17	24	6	3,50	0,95
4	Tổ chức bồi dưỡng, hỗ trợ và hướng dẫn giáo viên trong quá trình thực hiện	1	2	12	33	6	3,76	0,81
5	Tổ chức kiểm tra, theo dõi và điều chỉnh hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt	1	3	14	31	5	3,67	0,85

Kết quả điều tra Bảng 3 phản ánh ĐTB của các nội dung tổ chức hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt dao động từ 3,35 đến 3,76, đạt mức Khá. Nội dung được đánh giá cao nhất là “Tổ chức bồi dưỡng, hỗ trợ và hướng dẫn giáo viên trong quá trình thực hiện” (ĐTB = 3,76, DLC = 0,81), phản ánh các nhà trường đã quan tâm đến việc đồng hành và hỗ trợ GV trong việc ứng dụng CNTT vào dạy học.

Tiếp theo là “Tổ chức kiểm tra, theo dõi và điều chỉnh hoạt động ứng dụng CNTT” (ĐTB = 3,67, ĐLC = 0,85) và “Tổ chức phân công nhiệm vụ và phối hợp các lực lượng tham gia” (ĐTB = 3,52, ĐLC = 0,94), đạt mức Khá. Nội dung “Tổ chức chuẩn bị và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu CNTT” có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3,35, ĐLC = 0,98), cho thấy đây vẫn là điểm hạn chế đáng chú ý khi cơ sở vật chất và thiết bị CNTT chưa được khai thác một cách tối ưu trong dạy học môn Tiếng Việt.

Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Hồ Văn Thống và Tạ Thị Thanh Tâm (2023) khi chỉ ra rằng các trường tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh tuy đã tổ chức hoạt động ứng dụng CNTT nhưng việc khai thác và sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật số còn thiếu hiệu quả do thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận trong nhà trường.

Kết quả phỏng vấn cũng phản ánh những khó khăn trong công tác tổ chức. Một GV cho biết: “Nhà trường có phòng máy tính nhưng số lượng máy không đủ cho tất cả các lớp sử dụng thường xuyên, nên việc tổ chức dạy học Tiếng Việt có ứng dụng CNTT thường chỉ diễn ra theo lịch phân công luân phiên, chưa thực sự linh hoạt và thường xuyên” (GV3).”

Một CBQL nhận xét: *Chúng tôi cố gắng phân công GV phụ trách CNTT hỗ trợ đồng nghiệp, nhưng do áp lực công việc chuyên môn, việc hỗ trợ đôi khi chưa đến nơi đến chốn, nhất là với những GV lớn tuổi còn hạn chế về kỹ năng số”* (CBQL3).”

Những ý kiến này cho thấy cần tăng cường cơ chế phối hợp, đầu tư cơ sở vật chất hợp lý và xây dựng cơ chế hỗ trợ GV thiết thực hơn để nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt.

3.1.4. Thực trạng về chỉ đạo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt

Bảng 4. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về chỉ đạo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt

STT	Nội dung	Mức độ đánh giá					ĐTB	ĐLC
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Chỉ đạo quán triệt mục tiêu, yêu cầu và định hướng ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt	1	3	17	23	10	3,70	0,88
2	Chỉ đạo hướng dẫn giáo viên thực hiện ứng dụng CNTT đúng mục tiêu, nội dung và phương pháp	1	4	18	22	9	3,67	0,85
3	Chỉ đạo điều phối và hỗ trợ nguồn lực phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT	1	3	18	23	9	3,63	0,91
4	Chỉ đạo kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt	1	4	19	21	9	3,61	0,93
5	Chỉ đạo động viên, khuyến khích và nhân rộng các mô hình ứng dụng CNTT hiệu quả	2	4	20	20	8	3,52	0,98

Dữ liệu khảo sát Bảng 4 cho thấy hoạt động chỉ đạo thực hiện ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt có ĐTB dao động từ 3,52 đến 3,70, đạt mức Khá. Nội dung được

đánh giá cao nhất là “Chỉ đạo quán triệt mục tiêu, yêu cầu và định hướng ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt” (ĐTB = 3,70, DLC = 0,88), cho thấy Ban giám hiệu các trường đã chú trọng đến việc định hướng và quán triệt tư tưởng về ứng dụng CNTT trong toàn thể GV.

Tiếp theo là “Chỉ đạo hướng dẫn giáo viên thực hiện ứng dụng CNTT đúng mục tiêu, nội dung và phương pháp” (ĐTB = 3,67, DLC = 0,85) và “Chỉ đạo điều phối và hỗ trợ nguồn lực phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT” (ĐTB = 3,63, DLC = 0,91). Kế tiếp là “Chỉ đạo kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt” (ĐTB = 3,61, DLC = 0,93). Nội dung “Chỉ đạo động viên, khuyến khích và nhân rộng các mô hình ứng dụng CNTT hiệu quả” có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3,52, DLC = 0,98), cho thấy việc phát hiện và nhân rộng các điển hình tốt trong ứng dụng CNTT dạy học môn Tiếng Việt còn chưa được thực hiện một cách thường xuyên và hệ thống.

Kết quả phỏng vấn cho thấy công tác chỉ đạo đã được triển khai nhưng còn một số tồn tại cần khắc phục. Một phó hiệu trưởng chia sẻ: “Ban giám hiệu chúng tôi thường xuyên nhắc nhở GV về việc ứng dụng CNTT trong dạy học qua các buổi họp chuyên môn, nhưng việc theo dõi thực tế từng tiết dạy có CNTT hay không thì chưa thể làm được thường xuyên do số lớp đông và GV nhiều” (CBQL1). ”

Một GV cho biết: “Khi có GV thực hiện tốt một tiết dạy Tiếng Việt có ứng dụng CNTT hiệu quả, đôi khi chúng tôi chỉ chia sẻ trong tổ chuyên môn chứ chưa được nhân rộng ra toàn trường một cách bài bản” (GV2). ”

Những phản hồi này cho thấy vai trò của Ban giám hiệu trong chỉ đạo hoạt động ứng dụng CNTT là quan trọng, nhưng cần được tăng cường ở chiều sâu, đặc biệt là trong việc giám sát thực tế và nhân rộng các mô hình tốt trong dạy học môn Tiếng Việt.

3.1.5. Thực trạng về kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt

Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt được khảo sát qua 5 nội dung. Kết quả được trình bày ở Bảng 5.

Bảng 5. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt

STT	Nội dung	Mức độ đánh giá					ĐTB	DLC
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt	2	4	16	19	13	3,69	0,99
2	Kiểm tra chất lượng bài giảng và học liệu số phục vụ dạy học môn Tiếng Việt	2	5	18	19	10	3,56	0,99
3	Đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của giáo viên trong quá trình dạy học	1	4	15	18	16	3,81	0,98
4	Đánh giá tác động của ứng dụng CNTT đối với kết quả học tập và sự phát triển của học sinh	1	3	12	18	20	3,98	0,96

STT	Nội dung	Mức độ đánh giá					ĐTB	ĐLC
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
5	Tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá và sử dụng kết quả để điều chỉnh hoạt động quản lý	2	4	18	20	10	3,59	0,96

Kết quả khảo sát ở Bảng 5 cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt có ĐTB dao động từ 3,56 đến 3,98, đạt mức Khá. Nội dung được đánh giá cao nhất là “Đánh giá tác động của ứng dụng CNTT đối với kết quả học tập và sự phát triển của học sinh” (ĐTB = 3,98, ĐLC = 0,96), cho thấy CBQL và GV đặc biệt quan tâm đến hiệu quả cuối cùng mà CNTT mang lại cho học sinh trong dạy học môn Tiếng Việt.

Tiếp theo là “Đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của giáo viên trong quá trình dạy học” (ĐTB = 3,81, ĐLC = 0,98) và “Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt” (ĐTB = 3,69, ĐLC = 0,99). Nội dung “Kiểm tra chất lượng bài giảng và học liệu số phục vụ dạy học môn Tiếng Việt” có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3,56, ĐLC = 0,99), cho thấy việc kiểm soát chất lượng đầu vào của các bài giảng điện tử và học liệu số còn chưa được thực hiện đồng bộ và chặt chẽ.

Kết quả này tương đồng với nhận định của Nguyễn và Phạm (2024), theo đó công tác kiểm tra - đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở nhiều trường thường thiên về đánh giá kết quả cuối cùng, trong khi việc kiểm tra chất lượng quá trình và học liệu số còn chưa được chú trọng đúng mức.

Kết quả phỏng vấn phản ánh thực trạng này một cách rõ nét. Một CBQL cho biết: *“Chúng tôi chủ yếu đánh giá qua kết quả học tập của học sinh và nhận xét tiết dạy khi dự giờ, còn việc kiểm tra xem giáo viên đang sử dụng học liệu số nào, chất lượng ra sao thì chưa có quy trình cụ thể” (CBQL2).*

Một GV cũng chia sẻ: *Giáo viên chúng tôi thường tự đánh giá tiết dạy của mình qua phản ứng của học sinh trên lớp, nhưng chưa có công cụ đánh giá chuẩn để biết mức độ hiệu quả của việc ứng dụng CNTT so với dạy học truyền thống” (GV3).*

Những ý kiến này cho thấy cần xây dựng hệ thống tiêu chí và công cụ kiểm tra - đánh giá cụ thể hơn cho hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt, đặc biệt chú trọng đến chất lượng học liệu số và quá trình tổ chức dạy học.

4. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và các lực lượng liên quan về vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt

a. Mục đích và ý nghĩa biện pháp

Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý về vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chỉ đạo hoạt động dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học. Giúp giáo viên nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, lợi ích và sự cần thiết của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt. Tạo sự thống nhất về tư duy và hành động giữa cán bộ quản lý, giáo viên và các lực lượng liên quan trong quá trình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học môn Tiếng Việt.

b. Nội dung của biện pháp

Tuyên truyền về vai trò và ý nghĩa của ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới dạy học môn Tiếng Việt.

Phổ biến các chủ trương, chính sách và định hướng của ngành giáo dục về chuyển đổi số.

Giới thiệu các mô hình, kinh nghiệm và điển hình tiên tiến trong ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học Tiếng Việt.

c. Cách thức thực hiện biện pháp

Ban giám hiệu các trường cần xây dựng kế hoạch truyền thông nội bộ về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt theo từng năm học.

Nhà trường cần tổ chức hội thảo chuyên môn theo chuyên đề ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Tiếng Việt.

Ban giám hiệu cần xây dựng cơ chế chia sẻ kinh nghiệm trong nội bộ nhà trường.

Nhà trường có thể tổ chức các buổi họp phụ huynh chuyên đề, trong đó giới thiệu phương thức dạy học Tiếng Việt có ứng dụng công nghệ, trình chiếu các sản phẩm học tập của học sinh, minh họa sự tiến bộ của các em khi được học qua học liệu số.

d. Điều kiện thực hiện biện pháp

Sự quan tâm chỉ đạo thống nhất của ban giám hiệu nhà trường, thể hiện ở việc đưa nội dung nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin vào kế hoạch năm học và chương trình sinh hoạt chuyên môn định kỳ. Đội ngũ giáo viên có tinh thần sẵn sàng đổi mới, tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, tập huấn và chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng công nghệ trong dạy học Tiếng Việt.

4.2. Đổi mới công tác lập kế hoạch quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt theo hướng khoa học và khả thi

a. Mục đích và ý nghĩa biện pháp

Xây dựng hệ thống kế hoạch quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt theo hướng khoa học, đồng bộ và phù hợp với điều kiện thực tiễn của các trường tiểu học phường An Lạc.

Xác định rõ mục tiêu, nội dung, lộ trình và nhiệm vụ thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt, góp phần nâng cao tính khả thi trong quá trình triển khai. Đổi mới công tác lập kế hoạch dựa trên nhu cầu thực tế, nguồn lực và năng lực của đội ngũ giáo viên, hạn chế tình trạng xây dựng kế hoạch mang tính hình thức hoặc sao chép máy móc.

b. Nội dung của biện pháp

Xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Tiếng Việt trên cơ sở phân tích thực trạng và nhu cầu thực tiễn, bao gồm năng lực công nghệ của giáo viên, điều kiện cơ sở vật chất, học liệu số và đặc điểm học sinh.

Thiết lập mục tiêu, chỉ tiêu và lộ trình thực hiện rõ ràng, gắn kế hoạch ứng dụng công nghệ với kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn và kế hoạch bồi dưỡng giáo viên của nhà trường.

Quy định cụ thể trách nhiệm của các bộ phận và cá nhân trong triển khai kế hoạch, từ

ban giám hiệu, tổ chuyên môn đến từng giáo viên, bảo đảm tính đồng bộ và khả năng kiểm soát tiến độ thực hiện.

c. Cách thức thực hiện biện pháp

Ban giám hiệu cần tổ chức đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Tiếng Việt tại nhà trường.

Trên cơ sở đó, ban giám hiệu tổ chức hội nghị chuyên môn để xác định nhu cầu và mục tiêu kế hoạch.

Tiếp theo, nhà trường cần xây dựng bản kế hoạch tổng thể về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Tiếng Việt.

Đồng thời, giao quyền chủ động cho tổ chuyên môn và giáo viên.

Song song với đó, ban giám hiệu cần thiết lập cơ chế kiểm soát tiến độ thực hiện kế hoạch.

d. Điều kiện thực hiện biện pháp

Ban giám hiệu có năng lực quản lý kế hoạch và am hiểu định hướng chuyển đổi số giáo dục, bảo đảm chỉ đạo xây dựng kế hoạch khoa học, rõ mục tiêu và khả thi. Đội ngũ giáo viên tích cực tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch, sẵn sàng đăng ký nội dung đổi mới và chịu trách nhiệm với cam kết chuyên môn đã đề ra.

4.3. Tăng cường tổ chức thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt gắn với điều kiện thực tiễn nhà trường

a. Mục đích và ý nghĩa biện pháp

Đưa các kế hoạch và định hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt vào thực tiễn giảng dạy một cách đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với điều kiện của từng trường tiểu học phường An Lạc. Bảo đảm việc ứng dụng công nghệ thông tin trở thành hoạt động thường xuyên trong dạy học môn Tiếng Việt, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng học tập của học sinh. Tăng cường tính trực quan, khả năng tương tác và hỗ trợ phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh thông qua việc sử dụng các phương tiện và học liệu số trong quá trình dạy học.

b. Nội dung của biện pháp

Tổ chức triển khai các hình thức dạy học môn Tiếng Việt có ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Xây dựng và khai thác hiệu quả kho học liệu số môn Tiếng Việt, khuyến khích giáo viên thiết kế, chia sẻ và sử dụng chung các sản phẩm số trong tổ chuyên môn và toàn trường.

Tăng cường dự giờ, thao giảng và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, tập trung vào việc đánh giá hiệu quả ứng dụng công nghệ trong từng hoạt động dạy học Tiếng Việt.

Thiết lập cơ chế hỗ trợ kỹ thuật và chuyên môn tại chỗ, giúp giáo viên kịp thời khắc phục khó khăn khi triển khai dạy học có ứng dụng công nghệ.

c. Cách thức thực hiện biện pháp

Ban giám hiệu cần chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai dạy học Tiếng Việt có ứng dụng công nghệ theo từng khối lớp.

Nhà trường cần tổ chức các tiết dạy minh họa và thao giảng chuyên đề về ứng dụng

công nghệ trong dạy học Tiếng Việt.

Ban giám hiệu cần xây dựng kho học liệu số dùng chung môn Tiếng Việt.

Nhà trường lựa chọn một số giáo viên có năng lực công nghệ tốt hoặc cán bộ phụ trách thiết bị để thành lập nhóm hỗ trợ kỹ thuật.

Đồng thời, ban giám hiệu cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện dạy học Tiếng Việt có ứng dụng công nghệ.

Ngoài ra, nhà trường cần tổ chức các hoạt động trải nghiệm học tập Tiếng Việt có ứng dụng công nghệ cho học sinh.

d. Điều kiện thực hiện biện pháp

Cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ của nhà trường đáp ứng yêu cầu triển khai dạy học số, bao gồm phòng học có thiết bị trình chiếu, máy tính, mạng internet ổn định và phần mềm hỗ trợ dạy học Tiếng Việt.

Đội ngũ giáo viên có kỹ năng sử dụng công nghệ ở mức cơ bản trở lên, sẵn sàng tham gia xây dựng học liệu số và triển khai các hình thức dạy học mới.

4.4. Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt thông qua cơ chế phối hợp và hỗ trợ chuyên môn

a. Mục đích và ý nghĩa biện pháp

Bảo đảm sự thống nhất, kịp thời và linh hoạt trong công tác chỉ đạo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt tại các trường tiểu học phường An Lạc. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa ban giám hiệu, tổ chuyên môn, giáo viên và các lực lượng hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình triển khai dạy học có ứng dụng công nghệ thông tin. Tạo môi trường chuyên môn mang tính cộng tác, hỗ trợ giáo viên trao đổi kinh nghiệm, tư vấn và nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt.

b. Nội dung của biện pháp

Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa ban giám hiệu, tổ chuyên môn và giáo viên trong chỉ đạo, triển khai và kiểm soát hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt.

Xây dựng hệ thống hỗ trợ chuyên môn và kỹ thuật nội bộ, bao gồm nhóm giáo viên nòng cốt và cán bộ phụ trách công nghệ nhằm tư vấn, giải đáp và hỗ trợ kịp thời cho giáo viên trong quá trình triển khai dạy học số.

c. Cách thức thực hiện biện pháp

Ban giám hiệu cần thành lập Tổ công tác chuyển đổi số trong dạy học Tiếng Việt tại mỗi nhà trường.

Nhà trường cần thiết lập hệ thống hỗ trợ chuyên môn tại chỗ. Cụ thể, lựa chọn giáo viên giỏi chuyên môn Tiếng Việt và có kỹ năng công nghệ làm giáo viên nòng cốt.

Các trường tiểu học trong phường An Lạc phối hợp tổ chức hội thảo chuyên đề về dạy học Tiếng Việt có ứng dụng công nghệ, luân phiên đăng cai các tiết dạy minh họa, chia sẻ kho học liệu số và kinh nghiệm tổ chức lớp học số.

Đồng thời, ban giám hiệu cần tăng cường kết nối với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân để nhận được hướng dẫn chuyên môn, tài liệu tập huấn và sự hỗ trợ kỹ thuật khi triển khai các nền tảng dạy học số mới.

Ngoài ra, nhà trường cần xây dựng cơ chế phản hồi hai chiều trong chỉ đạo.

d. Điều kiện thực hiện biện pháp

Ban giám hiệu có năng lực điều phối và chỉ đạo chuyên môn trong môi trường số, sẵn sàng đổi mới phương thức quản lý và sử dụng công nghệ trong công tác chỉ đạo.

Đội ngũ giáo viên nòng cốt có trình độ chuyên môn vững và kỹ năng công nghệ tốt, đủ khả năng hỗ trợ đồng nghiệp trong triển khai dạy học Tiếng Việt có ứng dụng công nghệ.

4.5. Hoàn thiện công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt theo hướng thường xuyên và phát triển năng lực giáo viên

a. Mục đích và ý nghĩa biện pháp

Bảo đảm hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt tại các trường tiểu học phường An Lạc được kiểm tra, đánh giá thường xuyên, liên tục và có định hướng cải tiến rõ ràng.

Chuyển công tác kiểm tra, đánh giá từ tiếp cận hành chính sang tiếp cận hỗ trợ phát triển chuyên môn, giúp giáo viên nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

b. Nội dung của biện pháp

Xây dựng bộ tiêu chí kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Tiếng Việt, bao gồm tiêu chí về thiết kế bài giảng số, tổ chức hoạt động học tập tương tác và hiệu quả phát triển năng lực ngôn ngữ học sinh.

Đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng thường xuyên, đa dạng và kết hợp giữa đánh giá nội bộ với tự đánh giá của giáo viên, đảm bảo tính khách quan và khuyến khích tự hoàn thiện năng lực chuyên môn.

c. Cách thức thực hiện biện pháp

Ban giám hiệu cần xây dựng bộ tiêu chí và công cụ đánh giá cụ thể về ứng dụng công nghệ trong dạy học Tiếng Việt.

Nhà trường cần tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên thông qua dự giờ và xem xét hồ sơ chuyên môn điện tử.

Song song với đó, nhà trường cần tổ chức hoạt động tự đánh giá và đánh giá đồng nghiệp.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, ban giám hiệu xác định rõ những giáo viên cần được hỗ trợ thêm về kỹ năng công nghệ, thiết kế bài giảng số hoặc tổ chức lớp học trực tuyến.

Nhà trường cần ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dữ liệu kiểm tra, đánh giá.

Ngoài ra, nhà trường cần kết hợp kiểm tra nội bộ với đánh giá từ bên ngoài.

d. Điều kiện thực hiện biện pháp

Bộ tiêu chí và công cụ đánh giá được xây dựng khoa học, rõ ràng và thống nhất, làm cơ sở triển khai kiểm tra, đánh giá trong toàn trường.

Ban giám hiệu và tổ trưởng chuyên môn có kỹ năng đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, đảm bảo quá trình đánh giá khách quan, hỗ trợ và mang tính cải tiến.

5. Kết luận

Trên cơ sở kết quả khảo sát và phân tích thực trạng, nghiên cứu đã phản ánh tương đối toàn diện công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh trên các phương diện: nhận thức, lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá. Kết quả cho thấy CBQL và GV đã có nhận thức khá tốt về tầm quan trọng của quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt. Các chức năng quản lý từ lập kế hoạch đến kiểm tra - đánh giá đều đã được triển khai và đạt mức Khá. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế nổi bật cần khắc phục, gồm: việc phân tích nội dung chương trình Tiếng Việt để xác định bài học cần ứng dụng CNTT còn thiếu hệ thống; công tác chuẩn bị và khai thác cơ sở vật chất - học liệu số chưa hiệu quả; cơ chế phối hợp giữa các lực lượng giáo dục còn lỏng lẻo; và công tác kiểm tra chất lượng bài giảng điện tử, học liệu số chưa đồng bộ.

Nghiên cứu khẳng định vai trò then chốt của hiệu trưởng và Ban giám hiệu trong việc điều phối và tổ chức hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học môn Tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động này trong bối cảnh triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đồng thời có ý nghĩa tham khảo đối với các trường tiểu học có điều kiện tương đồng trong việc tổ chức và quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học theo định hướng chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Công văn số 3868/BGD&ĐT-GDTH về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2018-2019, ban hành ngày 28/8/2018.*
- Hoàng, P., Vũ, X. L., Hoàng, T. T. L., Phạm, T. T., Đào, T. M. T., & Đặng, T. H. (2009). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- Hồ, V. T., & Tạ, T. T. T. (2023). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ở các trường tiểu học quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục: Quản lý Giáo dục*, 2(299), 144-146. Truy cập từ <https://vjol.info.vn/tctbgd/article/view/90309>
- Nguyễn, H. D. (2024). Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học ở các trường tiểu học Thành phố Thủ Đức. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, 2(327), 92-94. Truy cập từ <https://vjol.vista.gov.vn/tctbgd/vi/article/view/108056>
- Nguyễn, T. H., Nguyễn, T. H., & Nguyễn, T. L. (2024). Ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế trò chơi học tập trong dạy trạng ngữ cho học sinh lớp 4. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2: Chuyên san Khoa học Giáo dục*, 2(03), 168-178. Truy cập từ <https://vjol.info.vn/gdhpu2/article/view/111756>
- Nguyễn, T. V., & Phạm, M. G. (2024). Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(02S), 110-123. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1361>
- Phó, Đ. H., & Ngô, Q. S. (2016). *Phương pháp và công nghệ thông tin trong môi trường sư phạm tương tác*. NXB Đại học Sư phạm.